

Số: 13 /2019/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung số thứ tự 12 và 13 vào Mục V Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Phương tiện hoặc hàng hóa	Đơn vị tính	Khung giá thu	Mức thu/tháng
V. Dịch vụ khác			
12. Khu A (vị trí trên bản đồ ABCD; EFGH; IJKL)	Đồng/m ² /tháng	13.000 - 20.000	
13. Khu B (vị trí trên bản đồ MNOP)	Đồng/m ² /tháng	10.000 - 15.000	

(Đính kèm bản đồ các vị trí).

Điều 2.

1. Việc tổ chức thực hiện Quyết định này theo Điều 3 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2019; đồng thời, bãi bỏ Quyết định số 1333/QĐ.HC.02 ngày 27/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt mức giá cho thuê mặt bằng đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ở khu vực Cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước, Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, VX, XD, NC. ^(31b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

